

SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM (XÉT TUYỂN BỔ SUNG) 2014

TRƯỜNG LPH D1 TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

* Ngành D220201 Ngôn ngữ Anh

Trang 1

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
1	LPH.D1 90010	Nguyễn Thị Luyến	10/10/96	Nữ	Huyện Tứ Kỳ		2NT	21.30. 08329	D22	6.25	7.50	8.00	21.75	22.00	TT
2	LPH.D1 90011	Lê Việt Anh	10/11/96	Nữ			2	01. . 00973	D22	7.50	8.75	7.00	23.25	23.50	TT
3	LPH.D1 90012	Nguyễn Phương Anh	11/02/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	01. . 00997	D22	5.50	7.00	7.25	19.75	20.00	
4	LPH.D1 90013	Tạ Kim Anh	28/01/96	Nữ	Huyện Gia Lâm		2	01. . 04956	D22	7.50	6.75	7.00	21.25	21.50	TT
5	LPH.D1 90014	Trần Thị Kiều Anh	08/10/96	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	01. . 00937	D22	7.25	6.25	8.00	21.50	21.50	
6	LPH.D1 90015	Ngô Thị Cúc	24/01/96	Nữ	Huyện Thường Tín		2	01. . 00911	D22	6.75	5.75	8.00	20.50	20.50	
7	LPH.D1 90016	Nguyễn Quang Duy	16/02/96		Quận Hoàn Kiếm		3	01. . 01283	D22	6.25	6.25	7.75	20.25	20.50	
8	LPH.D1 90017	Kiều Hương Giang	02/12/96	Nữ	Huyện Phúc Thọ		2	01. . 04818	D22	6.75	8.75	8.00	23.50	23.50	TT
9	LPH.D1 90018	Nguyễn Hoài Giang	18/07/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	01. . 02126	D22	7.50	6.50	7.50	21.50	21.50	
10	LPH.D1 90019	Đặng Thu Hà	27/04/96	Nữ	Thị xã Sơn Tây		3	01. . 03514	D22	5.25	7.50	7.50	20.25	20.50	
11	LPH.D1 90020	Lương Ngọc Hà	25/01/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	01. . 01917	D22	5.00	7.50	7.50	20.00	20.00	
12	LPH.D1 90021	Phạm Thị Khánh Hà	06/08/96	Nữ	Quận Ba Đình	06	3	01. . 04837	D22	7.25	8.75	6.00	22.00	22.00	TT
13	LPH.D1 90022	Mai Thanh Hải	17/09/95	Nữ	Quận Ba Đình		3	01. . 01626	D22	5.75	7.00	7.50	20.25	20.50	
14	LPH.D1 90023	Đặng Thuý Hằng	21/11/96	Nữ	Quận Thanh Xuân		2	01. . 03214	D22	6.75	7.00	7.25	21.00	21.00	
15	LPH.D1 90024	Nguyễn Phạm Thanh Hằng	14/11/96	Nữ	Thị xã Sơn Tây		3	01. . 03468	D22	6.75	6.00	7.25	20.00	20.00	
16	LPH.D1 90025	Ngô Khánh Huyền	24/07/96	Nữ	Quận Tây Hồ		3	01. . 02970	D22	6.75	7.00	7.25	21.00	21.00	
17	LPH.D1 90026	Ngô Nguyên Hùng	05/10/96		Huyện Chương Mỹ		2	01. . 03950	D22	6.75	6.00	7.75	20.50	20.50	
18	LPH.D1 90027	Đặng Thu Hương	16/12/96	Nữ	Huyện Hoài Đức		2	01. . 04093	D22	6.50	6.50	6.75	19.75	20.00	
19	LPH.D1 90028	Nguyễn Thị Thu Hương	23/08/96	Nữ	Huyện Thanh Trì		3	01. . 04946	D22	7.00	7.75	7.00	21.75	22.00	TT
20	LPH.D1 90029	Trần Thị Hương	27/09/96	Nữ	Huyện Ba Vì	01	1	01. . 03687	D22	5.75	7.50	5.25	18.50	18.50	TT
21	LPH.D1 90030	Nguyễn Thị Nhật Lệ	22/08/96	Nữ	Quận Tây Hồ		3	01. . 02917	D22	6.75	7.50	6.75	21.00	21.00	
22	LPH.D1 90031	Ngô Thị Bích Loan	05/02/96	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2	01. . 00993	D22	6.75	5.50	7.00	19.25	19.50	
23	LPH.D1 90032	Nguyễn Thị Kim Lương	13/12/96	Nữ	Quận Cầu Giấy		2	01. . 03038	D22	6.25	8.00	6.75	21.00	21.00	
24	LPH.D1 90033	Chu Thị Ngọc Mai	11/09/96	Nữ	Huyện Ba Vì		2	01. . 04815	D22	6.75	9.25	6.00	22.00	22.00	TT
25	LPH.D1 90034	Chu Đức Minh	03/10/96		Quận Ba Đình		2	01. . 00809	D22	6.50	6.50	7.00	20.00	20.00	
26	LPH.D1 90035	Phạm Hạnh Nga	19/06/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	01. . 04891	D22	5.75	8.75	7.00	21.50	21.50	
27	LPH.D1 90036	Nguyễn Thị Bích Ngọc	11/07/96	Nữ	Huyện Thạch Thất		2	01. . 03833	D22	5.50	8.25	7.00	20.75	21.00	

SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM (XÉT TUYỂN BỔ SUNG) 2014

TRƯỜNG LPH D1 TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

* Ngành D220201 Ngôn ngữ Anh

Trang 2

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
28	LPH.D1 90037	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	06/12/96	Nữ	Quận Tây Hồ		3	01. . 02921	D22	5.00	7.75	7.00	19.75	20.00	
29	LPH.D1 90038	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	22/11/96	Nữ	Huyện Hoài Đức		2	01. . 04829	D22	7.25	8.25	7.00	22.50	22.50	TT
30	LPH.D1 90039	Nguyễn Thị	Thanh	08/02/96	Nữ	Huyện Sóc Sơn		3	01. . 00962	D22	6.50	5.75	7.50	19.75	20.00	
31	LPH.D1 90040	Thái Lê Hương	Thảo	01/09/96	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	01. . 01295	D22	6.75	7.00	6.75	20.50	20.50	
32	LPH.D1 90041	Nguyễn Ngọc	Thuý	31/10/96	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	01. . 02554	D22	7.25	6.75	6.00	20.00	20.00	
33	LPH.D1 90042	Nguyễn Hương	Trang	04/04/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	01. . 01711	D22	6.00	7.50	7.25	20.75	21.00	
34	LPH.D1 90043	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	01/10/96	Nữ	Huyện Gia Lâm		2	01. . 04955	D22	6.75	7.00	6.50	20.25	20.50	
35	LPH.D1 90044	Nguyễn Thị Huyền	Trang	11/08/96	Nữ	Quận Cầu Giấy		2	01. . 03105	D22	6.75	7.50	7.50	21.75	22.00	TT
36	LPH.D1 90045	Vũ Huyền	Trang	01/12/96	Nữ	Quận Tây Hồ		3	01. . 02093	D22	6.50	7.25	6.50	20.25	20.50	
37	LPH.D1 90046	Nguyễn Huyền	Trình	19/11/96	Nữ	Quận Hoàn Kiếm		3	01. . 01118	D22	6.00	7.75	6.50	20.25	20.50	
38	LPH.D1 90047	Nguyễn Thị	Tuyết	16/07/96	Nữ	Huyện Chương Mỹ		2	01. . 03939	D22	5.75	7.50	6.75	20.00	20.00	
39	LPH.D1 90048	Nguyễn Ngọc	Tú	06/06/96	Nữ	Thị xã Sơn Tây		3	01. . 03490	D22	6.50	6.75	7.25	20.50	20.50	
40	LPH.D1 90049	Nguyễn Thị Thanh	Tú	09/03/94	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	01. . 04784	D22	6.00	9.50	5.00	20.50	20.50	
41	LPH.D1 90050	Nguyễn Thị Thanh	Tú	09/03/94	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	01. . 04784	D22	6.00	9.50	5.00	20.50	20.50	
42	LPH.D1 90051	Nguyễn Thị	Tươi	10/04/95	Nữ	Huyện Thường Tín		2	01. . 00887	D22	6.25	7.75	6.00	20.00	20.00	
43	LPH.D1 90052	Nguyễn Tú	Uyên	09/02/96	Nữ	Huyện Ba Vì		2	01. . 00972	D22	7.25	7.75	8.00	23.00	23.00	TT
44	LPH.D1 90053	Trần Thị Thu	Uyên	10/08/96	Nữ	Huyện Phúc Thọ		2	01. . 04821	D22	7.50	7.00	7.00	21.50	21.50	TT
45	LPH.D1 90054	Đặng Tường	Vy	02/06/96	Nữ	Huyện Sóc Sơn		3	01. . 02623	D22	6.25	7.75	7.50	21.50	21.50	
46	LPH.D1 90055	Nguyễn Trần Ngọc	ánh	06/06/96	Nữ	Huyện Sóc Sơn		2	01. . 04802	D22	6.00	7.25	6.50	19.75	20.00	
47	LPH.D1 90056	Phạm Ngọc	ánh	12/07/96	Nữ	Thị xã Chí Linh		2NT	01. . 00000	D22	6.75	6.50	7.00	20.25	20.50	
48	LPH.D1 90057	Lê Thị Quỳnh	Anh	25/03/96	Nữ	Quận Tây Hồ		3	1A.00. 02020	D22	7.25	8.00	7.00	22.25	22.50	TT
49	LPH.D1 90058	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	06/03/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.00. 02812	D22	6.75	6.25	7.50	20.50	20.50	
50	LPH.D1 90059	Hoàng Hà	My	29/02/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.00. 01736	D22	6.75	8.25	5.50	20.50	20.50	
51	LPH.D1 90060	Nguyễn Bích	Nguyệt	12/04/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.01. 01247	D22	7.00	7.00	8.00	22.00	22.00	TT
52	LPH.D1 90061	Đặng Ngọc	Châm	02/07/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.02. 00651	D22	6.50	6.25	7.50	20.25	20.50	
53	LPH.D1 90062	Trần Thu	Nga	03/10/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.02. 00400	D22	6.00	8.00	7.00	21.00	21.00	
54	LPH.D1 90063	Nguyễn Tài Tuấn	Anh	22/11/95				3	1A.06. 00124	D22	9.50	4.50	8.75	22.75	23.00	TT

SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM (XÉT TUYỂN BỔ SUNG) 2014

TRƯỜNG LPH D1 TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

* Ngành D220201 Ngôn ngữ Anh

Trang 3

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
55	LPH.D1 90064	Đặng Thúy Hường	18/08/95	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.06. 00282	D22	6.50	7.50	7.00	21.00	21.00	
56	LPH.D1 90065	Nguyễn Thảo Hương	04/09/96	Nữ	Quận Hoàn Kiếm		3	1A.07. 02746	D22	7.00	7.00	6.00	20.00	20.00	
57	LPH.D1 90066	Ngô Hồng Trang	28/07/96	Nữ	Quận Hoàn Kiếm		3	1A.07. 00740	D22	6.50	7.50	6.00	20.00	20.00	
58	LPH.D1 90067	Đặng Vũ Ngọc Trâm	08/02/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.07. 01488	D22	6.75	6.00	7.00	19.75	20.00	
59	LPH.D1 90068	Nguyễn Kiều Anh	13/07/96	Nữ	Quận Tây Hồ		3	1A.08. 03088	D22	5.75	6.00	8.00	19.75	20.00	
60	LPH.D1 90069	Đỗ Bích Quyên	30/12/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.11. 00425	D22	6.50	6.25	7.50	20.25	20.50	
61	LPH.D1 90070	Nguyễn Trà My	30/05/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.13. 03055	D22	6.00	8.50	7.50	22.00	22.00	TT
62	LPH.D1 90071	Trần Nam Anh	01/12/96		Quận Hoàn Kiếm		3	1A.17. 03140	D22	6.50	8.75	6.50	21.75	22.00	TT
63	LPH.D1 90072	Ngô Thị Hà Giang	12/04/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.17. 03162	D22	6.75	5.75	8.00	20.50	20.50	
64	LPH.D1 90073	Hoàng Lương Như Quỳnh	22/05/96	Nữ	Quận Đống Đa	01	3	1A.17. 03136	D22	6.50	8.00	5.00	19.50	19.50	
65	LPH.D1 90074	Nguyễn Minh Trang	30/10/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.17. 00684	D22	5.25	8.50	7.25	21.00	21.00	
66	LPH.D1 90075	Nguyễn Thùy Dương	22/12/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.18. 02370	D22	6.50	7.50	8.00	22.00	22.00	TT
67	LPH.D1 90076	Hồ Đăng Mỹ Nga	08/07/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.18. 00589	D22	5.75	7.50	7.50	20.75	21.00	
68	LPH.D1 90077	Nguyễn Thuỳ Trang	23/09/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.18. 02000	D22	7.00	8.00	6.00	21.00	21.00	
69	LPH.D1 90078	Nguyễn Ngọc Hà	07/03/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.19. 03705	D22	6.75	7.25	6.00	20.00	20.00	
70	LPH.D1 90079	Lê Thị Hồng	28/06/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.19. 00401	D22	6.25	7.25	7.00	20.50	20.50	
71	LPH.D1 90080	Nguyễn Thảo Hương	23/09/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.19. 01712	D22	6.50	8.00	6.50	21.00	21.00	
72	LPH.D1 90081	Đặng ánh Ngọc	16/08/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.19. 01989	D22	7.00	8.00	7.00	22.00	22.00	TT
73	LPH.D1 90082	Đoàn Ngọc Thanh	16/11/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.19. 00711	D22	6.25	7.00	6.50	19.75	20.00	
74	LPH.D1 90083	Nguyễn Minh ánh	26/09/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.19. 03707	D22	5.75	6.00	8.00	19.75	20.00	
75	LPH.D1 90084	Nguyễn Thị Thu Hiền	09/06/96	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	1A.20. 01044	D22	6.75	5.50	8.00	20.25	20.50	
76	LPH.D1 90085	Nguyễn Kiều Anh	25/03/95	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.23. 00672	D22	6.75	8.00	7.00	21.75	22.00	TT
77	LPH.D1 90086	Nguyễn Thùy Tiên	01/04/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.24. 01277	D22	6.75	7.50	7.00	21.25	21.50	
78	LPH.D1 90087	Nguyễn Ngọc Huy	23/03/96		Quận Tây Hồ		3	1A.25. 04020	D22	7.00	8.00	7.00	22.00	22.00	TT
79	LPH.D1 90088	Vũ Quang Anh	22/04/96		Quận Hai Bà Trưng		3	1A.28. 00971	D22	7.00	7.50	7.00	21.50	21.50	
80	LPH.D1 90089	Nguyễn Hoài Dung	23/06/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.28. 00952	D22	6.75	8.00	6.00	20.75	21.00	
81	LPH.D1 90090	Tạ Ngọc Huyền	03/03/96	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	1A.28. 01023	D22	6.25	8.25	7.00	21.50	21.50	

SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM (XÉT TUYỂN BỔ SUNG) 2014

TRƯỜNG LPH D1 TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

* Ngành D220201 Ngôn ngữ Anh

Trang 4

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
82	LPH.D1 90091	Lê Hà My	02/03/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.28. 00972	D22	7.00	7.50	7.00	21.50	21.50	
83	LPH.D1 90092	Nguyễn Mai Linh	28/09/96	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	1A.29. 04114	D22	6.75	7.00	7.00	20.75	21.00	
84	LPH.D1 90093	Đàm Anh Quân	21/10/96		Quận Thanh Xuân		3	1A.31. 04071	D22	6.50	6.75	7.50	20.75	21.00	
85	LPH.D1 90094	Lê Anh Đức	22/01/96		Huyện Từ Liêm		3	1A.32. 00279	D22	5.00	8.50	7.00	20.50	20.50	
86	LPH.D1 90095	Phạm Ngọc Thảo	26/02/96	Nữ	Quận Cầu Giấy	06	3	1A.34. 02551	D22	6.75	8.00	6.25	21.00	21.00	TT
87	LPH.D1 90096	Đỗ Hải Anh	16/09/96	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	1A.39. 01938	D22	7.25	6.75	7.00	21.00	21.00	
88	LPH.D1 90097	Nguyễn Tú Anh	14/04/96	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	1A.39. 01925	D22	6.50	8.50	6.50	21.50	21.50	
89	LPH.D1 90098	Nguyễn Hương Ly	12/09/96	Nữ	Huyện Đông Anh		3	1A.39. 04337	D22	6.75	7.25	6.50	20.50	20.50	
90	LPH.D1 90099	Nguyễn Nhật Mai	02/09/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.39. 01911	D22	7.00	8.25	7.00	22.25	22.50	TT
91	LPH.D1 90100	Ngô Quỳnh Trang	04/01/96	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	1A.39. 01929	D22	6.75	7.75	7.00	21.50	21.50	
92	LPH.D1 90101	Nguyễn Phương Hoa	30/11/95	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	1A.45. 01131	D22	7.75	7.75	6.00	21.50	21.50	
93	LPH.D1 90102	Lê Phương Thanh	19/01/95	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	1A.47. 00244	D22	7.25	6.75	7.50	21.50	21.50	
94	LPH.D1 90103	Phùng Bảo Ngọc	20/07/96	Nữ	Huyện Gia Lâm		3	1A.48. 03896	D22	5.75	7.50	7.00	20.25	20.50	
95	LPH.D1 90104	Lương Thị Hồng Nhung	19/06/96	Nữ	Quận Long Biên		3	1A.48. 01731	D22	6.75	5.75	7.50	20.00	20.00	
96	LPH.D1 90105	Âu Minh Thu	30/01/96	Nữ	Quận Long Biên		3	1A.48. 01730	D22	6.25	8.25	6.00	20.50	20.50	
97	LPH.D1 90106	Nguyễn Thị Thu Trang	23/10/96	Nữ	Quận Long Biên		3	1A.48. 01770	D22	6.75	7.00	6.00	19.75	20.00	
98	LPH.D1 90107	Đặng Thị Thanh Huyền	06/07/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		2	1A.53. 04501	D22	6.75	6.50	8.00	21.25	21.50	TT
99	LPH.D1 90108	Phan Gia Minh	11/02/96		Quận Đống Đa		2	1A.62. 00704	D22	6.75	7.75	7.50	22.00	22.00	TT
100	LPH.D1 90109	Lưu Thị Phương	15/11/96	Nữ	Huyện Thanh Trì		2	1A.66. 00508	D22	6.25	6.50	7.00	19.75	20.00	
101	LPH.D1 90110	Mai Thuỳ Linh	01/03/96	Nữ	Quận Long Biên		2	1A.68. 01660	D22	6.50	8.50	6.00	21.00	21.00	
102	LPH.D1 90111	Trần Mỹ Anh	25/03/96	Nữ	Huyện Đông Anh		2	1A.78. 04740	D22	6.00	7.00	7.00	20.00	20.00	
103	LPH.D1 90112	Bùi Thị Tuyết Chinh	01/03/96	Nữ	Huyện Đông Anh		2	1A.78. 04741	D22	7.50	6.25	7.50	21.25	21.50	TT
104	LPH.D1 90113	Phạm Thị Thu Trang	25/07/96	Nữ	Huyện Sóc Sơn		2	1A.85. 01045	D22	6.75	8.50	6.00	21.25	21.50	TT
105	LPH.D1 90114	Trần Thanh Huyền	21/06/96	Nữ	Huyện Sóc Sơn		2	1A.86. 04791	D22	7.00	6.00	7.00	20.00	20.00	
106	LPH.D1 90115	Phạm Quỳnh Trang	24/11/96	Nữ	Huyện Sóc Sơn		2	1A.86. 02007	D22	6.50	7.25	6.00	19.75	20.00	
107	LPH.D1 90116	Nguyễn Mỹ Hạnh	14/07/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.03. 05119	D22	6.25	8.25	7.50	22.00	22.00	TT
108	LPH.D1 90117	Hồ Thị Thúy Nga	21/12/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.03. 01947	D22	6.75	7.50	7.50	21.75	22.00	TT

SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM (XÉT TUYỂN BỔ SUNG) 2014

TRƯỜNG LPH D1 TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

* Ngành D220201 Ngôn ngữ Anh

Trang 5

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
109	LPH.D1 90118	Dương Thị Phương	29/01/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.03. 05120	D22	7.00	7.00	7.50	21.50	21.50	
110	LPH.D1 90119	Triệu Thị Hải Yến	03/02/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.03. 01964	D22	6.25	6.50	7.00	19.75	20.00	
111	LPH.D1 90120	Trần Thị Giang	28/03/96	Nữ	Huyện Ba Vì		2	1B.08. 05271	D22	6.25	6.75	7.50	20.50	20.50	
112	LPH.D1 90121	Phạm Thị Phương Thảo	11/05/96	Nữ	Huyện Bình Giang		2	1B.08. 05270	D22	7.00	6.25	7.50	20.75	21.00	
113	LPH.D1 90122	Trần Khánh Linh	29/12/96	Nữ	Huyện Ba Vì		2	1B.13. 05319	D22	7.25	7.25	7.50	22.00	22.00	TT
114	LPH.D1 90123	Phùng Thị Hương Ngân	17/06/96	Nữ	Huyện Ba Vì		2	1B.13. 05323	D22	6.25	8.00	7.00	21.25	21.50	TT
115	LPH.D1 90124	Phùng Khánh Linh	05/07/96	Nữ	Huyện Ba Vì		2	1B.15. 05336	D22	7.50	6.75	7.00	21.25	21.50	TT
116	LPH.D1 90125	Nguyễn Thị Hải Tâm	18/01/96	Nữ	Huyện Ba Vì		2	1B.15. 02112	D22	6.25	6.00	7.50	19.75	20.00	
117	LPH.D1 90126	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	04/01/96	Nữ	Thị xã Sơn Tây		2	1B.16. 00002	D22	7.00	9.00	6.75	22.75	23.00	TT
118	LPH.D1 90127	Nguyễn Thị Hằng	09/06/96	Nữ	Huyện Thạch Thất		2	1B.22. 01248	D22	6.75	7.00	7.00	20.75	21.00	
119	LPH.D1 90128	Nguyễn Thanh Hiền	12/02/96	Nữ	Huyện Thạch Thất		2	1B.22. 01040	D22	6.50	6.75	6.00	19.25	19.50	
120	LPH.D1 90129	Kiều Thị Bảo Thoa	28/11/96	Nữ	Huyện Đan Phượng		2	1B.22. 03791	D22	7.25	7.25	5.50	20.00	20.00	
121	LPH.D1 90130	Sỹ Thị Hiền	11/05/96	Nữ	Huyện Quốc Oai		2	1B.28. 05427	D22	6.75	5.00	8.00	19.75	20.00	
122	LPH.D1 90131	Nguyễn Thị Hiếu	19/12/96	Nữ	Huyện Chương Mỹ		2	1B.32. 05448	D22	6.50	7.75	7.50	21.75	22.00	TT
123	LPH.D1 90132	Nguyễn Thị Khánh Như	15/11/96	Nữ	Huyện Chương Mỹ		2	1B.32. 01078	D22	5.75	7.50	8.00	21.25	21.50	TT
124	LPH.D1 90133	Hoàng Thị Thương	01/09/96	Nữ	Huyện Chương Mỹ		2	1B.32. 05444	D22	5.75	6.75	8.00	20.50	20.50	
125	LPH.D1 90134	Phạm Thị Hiền	17/07/96	Nữ	Huyện Đan Phượng		2	1B.38. 05476	D22	5.75	7.50	8.50	21.75	22.00	TT
126	LPH.D1 90135	Tạ Thị Anh	09/04/96	Nữ	Huyện Hoài Đức		2	1B.43. 05537	D22	6.75	7.00	6.50	20.25	20.50	
127	LPH.D1 90136	Nguyễn Phương Dung	04/06/96	Nữ	Huyện Chương Mỹ		2	1B.44. 04007	D22	6.25	6.50	7.00	19.75	20.00	
128	LPH.D1 90137	Đỗ Thị Lư	02/10/95	Nữ	Huyện Hoài Đức		2	1B.46. 01098	D22	6.25	6.50	7.00	19.75	20.00	
129	LPH.D1 90138	Lê Thị Diệp	08/09/96	Nữ	Huyện ứng Hoà		2	1B.51. 05625	D22	6.75	6.50	7.50	20.75	21.00	
130	LPH.D1 90139	Nguyễn Thị Linh	26/10/96	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2	1B.51. 05629	D22	6.75	7.25	6.50	20.50	20.50	
131	LPH.D1 90140	Nguyễn Thị Hào	15/02/96	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2	1B.52. 05644	D22	6.25	7.00	8.00	21.25	21.50	TT
132	LPH.D1 90141	Đinh Thị Kiều Vân	26/10/96	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2	1B.53. 05652	D22	7.50	7.00	7.00	21.50	21.50	TT
133	LPH.D1 90142	Nguyễn Thị Nguyệt Anh	28/04/96	Nữ	Huyện ứng Hoà		2	1B.59. 01122	D22	6.50	6.25	6.50	19.25	19.50	
134	LPH.D1 90143	Đỗ Thị Phương	25/08/96	Nữ	Huyện Thường Tín		2	1B.64. 05704	D22	6.75	7.25	6.00	20.00	20.00	
135	LPH.D1 90144	Hồ Hồng Anh	26/06/96	Nữ	Quận Lê Chân		3	03.07. 00981	D22	6.25	6.75	7.00	20.00	20.00	

SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM (XÉT TUYỂN BỔ SUNG) 2014

TRƯỜNG LPH D1 TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

* Ngành D220201 Ngôn ngữ Anh

Trang 6

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
136	LPH.D1 90145	Vũ Hương Ly	01/06/96	Nữ	Quận Lê Chân		3	03.07. 00980	D22	7.25	7.00	6.50	20.75	21.00	
137	LPH.D1 90146	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	13/08/96	Nữ	Quận Ngô Quyền		3	03.07. 00828	D22	5.75	7.25	7.00	20.00	20.00	
138	LPH.D1 90147	Đào Thuỳ Ninh	23/12/96	Nữ	Quận Lê Chân		3	03.08. 00078	D22	8.00	5.75	6.50	20.25	20.50	
139	LPH.D1 90148	Nguyễn Thị An Bình	10/07/96	Nữ	Quận Hồng Bàng		3	03.14. 01149	D22	6.00	7.00	7.00	20.00	20.00	
140	LPH.D1 90149	Nguyễn Thị Mỹ Linh	03/11/96	Nữ	Quận Hồng Bàng		3	03.14. 04331	D22	5.25	7.50	7.50	20.25	20.50	
141	LPH.D1 90150	Nguyễn Thị Dáng	15/08/96	Nữ	Huyện Tiên Lãng		2	03.64. 06676	D22	7.50	8.00	6.50	22.00	22.00	TT
142	LPH.D1 90151	Khổng Thị Thanh Hà	11/01/96	Nữ	Huyện An Lão		2	03.70. 04480	D22	7.25	7.25	6.00	20.50	20.50	
143	LPH.D1 90152	Vũ Thị Ngọc ánh	13/02/96	Nữ	Huyện Mai Sơn		2	03.A2. 00002	D22	7.25	7.00	6.00	20.25	20.50	
144	LPH.D1 90153	Hoàng Minh Thương	19/04/96	Nữ	Quận Sơn Trà		3	04.03. 01263	D22	6.00	9.00	5.75	20.75	21.00	
145	LPH.D1 90154	Hứa Thị Lệ Hà	09/05/95	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06. . 01190	D22	6.25	6.50	6.00	18.75	19.00	TT
146	LPH.D1 90155	Hoàng Thu Trang	18/11/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06. . 00290	D22	6.25	8.25	7.00	21.50	21.50	TT
147	LPH.D1 90156	Phan Xuân Tuyển	26/03/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.03. 01234	D22	5.75	4.75	6.50	17.00	17.00	
148	LPH.D1 90157	Đàm Phương Trinh	19/10/96	Nữ	Huyện Thạch An	01	1	06.04. 02968	D22	5.50	6.75	4.50	16.75	17.00	
149	LPH.D1 90158	Lê Thị Lan Anh	01/10/96	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	08. . 00566	D22	5.00	7.00	8.50	20.50	20.50	TT
150	LPH.D1 90159	Đoàn Mai Hằng	18/06/96	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	08. . 00571	D22	7.00	8.00	7.00	22.00	22.00	TT
151	LPH.D1 90160	Đoàn Thị Ngọc	14/07/96	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	08. . 00567	D22	7.00	7.50	7.00	21.50	21.50	TT
152	LPH.D1 90161	Bùi Thị Tuyển	16/09/95	Nữ	Huyện Si Ma Cai		1	08. . 04544	D22	6.75	7.00	4.75	18.50	18.50	
153	LPH.D1 90162	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	16/03/96	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	08.10. 00162	D22	6.50	6.00	7.00	19.50	19.50	
154	LPH.D1 90163	Đinh Thị Lan Anh	14/08/96	Nữ	Huyện Chiêm Hoá		1	09. . 00874	D22	6.25	7.25	6.00	19.50	19.50	
155	LPH.D1 90164	Nông Trà Giang	27/03/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang	01	1	09. . 00877	D22	4.75	5.75	8.00	18.50	18.50	TT
156	LPH.D1 90165	Vũ Phương Thảo	19/12/96	Nữ	Sở Giáo dục và Đào tạo		1	09.09. 04585	D22	6.25	7.75	5.25	19.25	19.50	
157	LPH.D1 90166	Vũ Phương Trang	24/01/96	Nữ	Sở Giáo dục và Đào tạo		1	09.09. 04572	D22	5.25	5.50	7.50	18.25	18.50	
158	LPH.D1 90167	Nguyễn Thị Ngọc Yến	11/01/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	09.09. 01000	D22	6.75	5.75	7.50	20.00	20.00	
159	LPH.D1 90168	Hoàng Thị Diệu Chinh	16/09/95	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10. . 01324	D22	4.50	6.50	6.00	17.00	17.00	
160	LPH.D1 90169	Phạm Minh Dũng	24/03/96		Thành phố Lạng Sơn		1	10. . 00354	D22	6.50	7.00	6.00	19.50	19.50	
161	LPH.D1 90170	Nguyễn Thị Linh	20/03/95	Nữ	Thành phố Lạng Sơn		1	10. . 00872	D22	7.00	5.00	6.50	18.50	18.50	
162	LPH.D1 90171	Hoàng Thị Thanh	05/08/96	Nữ	Huyện Văn Lãng	01	1	10. . 01380	D22	6.25	7.00	5.00	18.25	18.50	TT

SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM (XÉT TUYỂN BỔ SUNG) 2014

TRƯỜNG LPH D1 TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

* Ngành D220201 Ngôn ngữ Anh

Trang 7

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
163	LPH.D1 90172	Đặng Thu Trang	05/10/96	Nữ	Huyện Văn Lãng		1	10. . 04646	D22	6.00	7.50	6.00	19.50	19.50	
164	LPH.D1 90173	Nguyễn Trọng Nhân	06/12/95		Thị xã Sông Công		1	12. . 04691	D22	6.75	6.50	5.25	18.50	18.50	
165	LPH.D1 90174	Phạm Gia Bảo	08/08/96	Nữ	Thành phố Thái		2	12.10. 00269	D22	6.25	6.25	7.50	20.00	20.00	
166	LPH.D1 90175	Vũ Thị Hồng Ngọc	05/10/96	Nữ	Thành phố Thái		2	12.11. 07033	D22	6.50	7.00	7.00	20.50	20.50	
167	LPH.D1 90176	Nguyễn Thị Ngọc Nga	16/07/96	Nữ	Huyện Phố Yên		2NT	12.29. 07055	D22	6.25	7.25	7.00	20.50	20.50	
168	LPH.D1 90177	Nguyễn Thảo Linh	02/09/96	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	13. . 04825	D22	6.50	6.50	7.00	20.00	20.00	
169	LPH.D1 90178	Phí Thị Thu Thùy	13/01/95	Nữ	Thị xã Nghĩa Lộ	06	1	13. . 00295	D22	4.50	8.50	7.00	20.00	20.00	TT
170	LPH.D1 90179	Đoàn Mỹ Linh	21/04/96	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	13.03. 00190	D22	6.75	5.00	7.00	18.75	19.00	
171	LPH.D1 90180	Trần Thị Thu	10/09/96	Nữ	Huyện Yên Bình		1	13.15. 02465	D22	6.00	4.25	8.00	18.25	18.50	
172	LPH.D1 90181	Trương Văn Hồng	03/11/96		Thành phố Yên Bái		1	13.26. 07136	D22	6.75	7.25	7.50	21.50	21.50	TT
173	LPH.D1 90182	Vũ Thị Kim Anh	26/08/94	Nữ	Huyện Sông Mã		1	14. . 00221	D22	6.00	8.75	6.00	20.75	21.00	TT
174	LPH.D1 90183	Vũ Tấn Du	27/04/95		Huyện Thuận Châu		1	14. . 04858	D22	5.75	5.50	7.50	18.75	19.00	
175	LPH.D1 90184	Hà Hà Trang	08/03/96	Nữ	Huyện Phù Yên		1	14.16. 07156	D22	6.75	5.50	6.50	18.75	19.00	
176	LPH.D1 90185	Kiều Thị Thuý	24/06/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	15. . 04898	D22	5.75	7.50	6.75	20.00	20.00	
177	LPH.D1 90186	Ngô Thị Thuý	16/12/96	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15. . 00260	D22	5.25	8.00	7.00	20.25	20.50	TT
178	LPH.D1 90187	Nguyễn Thu Trang	25/05/96	Nữ	Thành phố Việt Trì	06	2	15. . 00234	D22	5.50	7.50	6.50	19.50	19.50	
179	LPH.D1 90188	Nguyễn Đức Hoàng	21/12/96		Thành phố Việt Trì		2	15.01. 07214	D22	5.75	8.25	7.00	21.00	21.00	
180	LPH.D1 90189	Nguyễn Minh Trang	17/04/96	Nữ	Huyện Thanh Thủy		2	15.01. 11043	D22	6.00	8.00	7.00	21.00	21.00	
181	LPH.D1 90190	Chu Thị Tố Uyên	19/01/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	15.01. 07223	D22	7.50	6.25	7.00	20.75	21.00	
182	LPH.D1 90191	Phạm Tiến Thanh	07/04/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	15.02. 09731	D22	6.00	7.25	7.50	20.75	21.00	
183	LPH.D1 90192	Hoàng Thị Hải Yến	06/02/96	Nữ	Huyện Yên Lạc		2	15.02. 07235	D22	5.00	7.25	7.00	19.25	19.50	
184	LPH.D1 90193	Cao Nguyễn Hải Yến	27/12/96	Nữ	Huyện Phù Ninh		2	15.09. 00989	D22	5.75	9.00	6.75	21.50	21.50	TT
185	LPH.D1 90194	Nguyễn Thị Hồng Nhung	04/10/96	Nữ	Huyện Tam Nông		1	15.49. 07289	D22	5.25	7.75	6.00	19.00	19.00	
186	LPH.D1 90195	Nguyễn Thị Bích Phượng	06/03/96	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	15.53. 00332	D22	6.50	6.00	8.00	20.50	20.50	TT
187	LPH.D1 90196	Dương Thị Thanh Thuý	14/10/96	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.53. 05003	D22	6.75	7.50	5.50	19.75	20.00	
188	LPH.D1 90197	Nguyễn Thị Thanh Thanh Hiền	17/10/96	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	16. . 00244	D22	8.25	7.50	7.50	23.25	23.50	TT
189	LPH.D1 90198	Đặng Thu Huyền	26/11/96	Nữ	Huyện Sông Lô		2	16. . 00004	D22	6.50	9.25	8.00	23.75	24.00	TT

SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM (XÉT TUYỂN BỔ SUNG) 2014

TRƯỜNG LPH D1 TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

* Ngành D220201 Ngôn ngữ Anh

Trang 8

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
190	LPH.D1 90199	Trần Thị Thuỳ	Linh	20/01/96	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16. . 00224	D22	7.25	8.00	7.50	22.75	23.00	TT
191	LPH.D1 90200	Nguyễn Quỳnh	Nga	02/10/96	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	16. . 00234	D22	6.50	8.25	7.00	21.75	22.00	TT
192	LPH.D1 90201	Bùi Thị Kiều	Oanh	18/05/96	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	16. . 05075	D22	7.00	7.00	6.75	20.75	21.00	TT
193	LPH.D1 90202	Lê Thuỳ	Trang	05/04/96	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16. . 05161	D22	6.75	8.00	6.25	21.00	21.00	TT
194	LPH.D1 90203	Lê Thị	Vân	26/04/96	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16. . 00366	D22	6.50	7.00	8.00	21.50	21.50	TT
195	LPH.D1 90204	Nguyễn Thị Phương	Anh	27/11/95	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	16.01. 07339	D22	6.25	7.00	8.00	21.25	21.50	TT
196	LPH.D1 90205	Kim Thị	Hậu	15/05/94	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	16.01. 07343	D22	5.75	7.00	6.50	19.25	19.50	
197	LPH.D1 90206	Trần Ngọc	Quỳnh	19/11/96		Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.04. 00677	D22	6.50	8.00	6.25	20.75	21.00	TT
198	LPH.D1 90207	Trần Văn	Hoàn	13/10/96		Huyện Tam Đảo		2	16.11. 07356	D22	6.75	7.25	8.00	22.00	22.00	TT
199	LPH.D1 90208	Tạ Thị	Luyến	02/10/96	Nữ	Huyện Tam Dương		2	16.11. 07351	D22	6.25	6.00	8.00	20.25	20.50	
200	LPH.D1 90209	Lê Phương	Thanh	08/03/96	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	16.11. 05107	D22	6.75	7.25	6.50	20.50	20.50	
201	LPH.D1 90210	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	20/03/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	16.11. 00312	D22	6.00	6.75	7.00	19.75	20.00	
202	LPH.D1 90211	Bùi Thu	Trang	15/02/96	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2	16.12. 00708	D22	8.00	5.50	8.50	22.00	22.00	TT
203	LPH.D1 90212	Lê Thu	Thuỳ	06/12/96	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.41. 00833	D22	7.00	6.00	8.50	21.50	21.50	TT
204	LPH.D1 90213	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	20/11/96	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.42. 00303	D22	5.75	7.50	8.00	21.25	21.50	TT
205	LPH.D1 90214	Phan Thị	Thu	09/02/96	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.42. 00347	D22	5.50	7.00	8.00	20.50	20.50	
206	LPH.D1 90215	Nguyễn Thị	Yến	14/11/96	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.42. 00324	D22	6.00	6.00	8.00	20.00	20.00	
207	LPH.D1 90216	Nguyễn Thị Hương	Dịu	28/06/96	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	16.51. 00365	D22	7.25	6.00	7.00	20.25	20.50	
208	LPH.D1 90217	Lê Thị Phương	Thanh	14/07/96	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	16.52. 00095	D22	5.75	7.50	8.50	21.75	22.00	TT
209	LPH.D1 90218	Trịnh Thị Hồng	Oanh	24/11/96	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	16.62. 07478	D22	6.25	7.00	7.50	20.75	21.00	TT
210	LPH.D1 90219	Đoàn Thị Thanh	Hương	01/05/96	Nữ	Sở Giáo dục và Đào tạo		2	17. . 05328	D22	6.25	7.00	7.25	20.50	20.50	
211	LPH.D1 90220	Bùi Khánh	Linh	18/01/96	Nữ	Huyện Tiên Yên		2NT	17. . 05357	D22	6.75	7.00	6.00	19.75	20.00	
212	LPH.D1 90221	Phạm Phương	Linh	06/02/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17. . 01149	D22	6.75	6.50	7.50	20.75	21.00	
213	LPH.D1 90222	Trần Thị Minh	Giang	01/11/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.01. 00005	D22	7.00	8.00	6.50	21.50	21.50	TT
214	LPH.D1 90223	Ninh Hoàng	Anh	19/01/96	Nữ	Thành phố Cẩm Phả		2	17.14. 00001	D22	6.75	7.50	6.50	20.75	21.00	
215	LPH.D1 90224	Vũ Thanh	Vân	14/07/96	Nữ	Thành phố Cẩm Phả		2	17.14. 00007	D22	6.50	9.25	5.00	20.75	21.00	
216	LPH.D1 90225	Nguyễn Thu	Hương	03/01/96	Nữ	Thị xã Quảng Yên		2NT	17.66. 00002	D22	7.50	6.00	7.00	20.50	20.50	

SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM (XÉT TUYỂN BỔ SUNG) 2014

TRƯỜNG LPH D1 TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

* Ngành D220201 Ngôn ngữ Anh

Trang 9

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
217	LPH.D1 90226	Đỗ Thị Quỳnh	Lan	08/12/96	Nữ	Thị xã Quảng Yên		2NT	17.66. 07559	D22	5.75	7.00	7.50	20.25	20.50	
218	LPH.D1 90227	Đặng Thị	Bắc	26/04/96	Nữ	Thành phố Bắc Giang	01	1	18. . 05444	D22	7.25	7.00	4.25	18.50	18.50	TT
219	LPH.D1 90228	Ngô Trần	Đức	30/01/96		Thành phố Bắc Giang		2	18. . 00312	D22	7.00	7.25	7.00	21.25	21.50	TT
220	LPH.D1 90229	Nguy Thị	Hiền	29/08/95	Nữ	Huyện Lục Nam		1	18. . 00999	D22	7.00	5.25	8.00	20.25	20.50	TT
221	LPH.D1 90230	Lê Lan	Nhung	23/03/96	Nữ	Huyện Lục Ngạn		2	18. . 01002	D22	6.75	7.25	7.50	21.50	21.50	TT
222	LPH.D1 90231	Nguyễn Thị Phương	Thảo	05/08/96	Nữ	Thành phố Bắc Giang		2	18. . 00960	D22	7.75	9.25	6.50	23.50	23.50	TT
223	LPH.D1 90232	Phan Thị Thu	Trình	10/11/96	Nữ	Huyện Yên Dũng		2	18. . 00323	D22	7.75	7.25	8.00	23.00	23.00	TT
224	LPH.D1 90233	Nguyễn Tuấn	Vinh	06/03/95		Thành phố Bắc Giang		2	18. . 00551	D22	6.75	8.00	5.50	20.25	20.50	
225	LPH.D1 90234	Nguyễn Thị Thu	Thủy	21/03/96	Nữ	Thành phố Bắc Giang		2	18.12. 00259	D22	6.25	6.00	8.00	20.25	20.50	
226	LPH.D1 90235	Nguyễn Thị Tú	Anh	16/11/96	Nữ	Huyện Hiệp Hoà		2NT	18.27. 00474	D22	7.25	7.50	6.00	20.75	21.00	TT
227	LPH.D1 90236	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	10/03/96	Nữ	Huyện Yên Dũng		1	18.35. 00544	D22	6.00	7.50	6.00	19.50	19.50	
228	LPH.D1 90237	Lê Đắc	Huy	21/11/96		Huyện Yên Phong		2NT	19. . 00000	D22	7.00	7.50	6.00	20.50	20.50	
229	LPH.D1 90238	Nguyễn Thị	Phuong	28/01/96	Nữ	Huyện Lương Tài		2	19. . 00152	D22	7.50	8.75	7.50	23.75	24.00	TT
230	LPH.D1 90239	Dương Tôn	Trọng	19/11/95		Huyện Yên Phong		2NT	19. . 00754	D22	5.25	7.50	8.00	20.75	21.00	TT
231	LPH.D1 90240	Nguyễn Thị	Dung	22/04/96	Nữ	Huyện Lương Tài		2	19.09. 00378	D22	6.00	7.75	6.50	20.25	20.50	
232	LPH.D1 90241	Nguyễn Thị Thu	Hương	12/11/96	Nữ	Thành phố Bắc Ninh		2	19.13. 00450	D22	6.50	6.25	6.50	19.25	19.50	
233	LPH.D1 90242	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	29/12/96	Nữ	Thành phố Bắc Ninh		2	19.13. 00688	D22	5.25	7.50	7.50	20.25	20.50	
234	LPH.D1 90243	Trần Thị út	Hương	20/05/96	Nữ	Huyện Quế Võ		2NT	19.18. 00201	D22	7.75	7.25	5.50	20.50	20.50	
235	LPH.D1 90244	Trịnh Thị Ngọc	Tuyết	05/05/96	Nữ	Huyện Quế Võ		2NT	19.18. 08031	D22	6.00	6.25	7.00	19.25	19.50	
236	LPH.D1 90245	Nguyễn Thị Kiều	Anh	30/03/96	Nữ	Huyện Thuận Thành		2NT	19.21. 01235	D22	7.25	7.50	7.00	21.75	22.00	TT
237	LPH.D1 90246	Đào Thị	Dung	18/10/96	Nữ	Huyện Tiên Du		2NT	19.24. 08066	D22	7.00	6.25	7.50	20.75	21.00	TT
238	LPH.D1 90247	Hoàng Thị Thu	Hà	01/09/96	Nữ	Huyện Yên Phong		2NT	19.26. 00292	D22	6.75	6.50	5.50	18.75	19.00	
239	LPH.D1 90248	Chu Thị Vân	Anh	20/12/96	Nữ	Huyện Tiên Du		2NT	19.48. 00118	D22	6.50	4.25	8.00	18.75	19.00	
240	LPH.D1 90249	Nguyễn Lâm	Bình	30/09/96	Nữ	Huyện Kim Thành	06	2NT	21. . 00253	D22	5.75	8.50	7.00	21.25	21.50	TT
241	LPH.D1 90250	Nguyễn Thị Thuý	Hằng	24/09/96	Nữ	Huyện Thanh Miện		1	21. . 06036	D22	5.50	7.00	5.75	18.25	18.50	
242	LPH.D1 90251	Nguyễn Thị	Hiền	20/08/96	Nữ	Thành phố Hải Dương		2NT	21. . 05942	D22	6.50	8.00	5.75	20.25	20.50	
243	LPH.D1 90252	Hoàng Thị Mai	Liên	15/01/96	Nữ	Thành phố Hải Dương		2	21. . 00266	D22	7.75	7.25	7.50	22.50	22.50	TT

SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM (XÉT TUYỂN BỔ SUNG) 2014

TRƯỜNG LPH D1 TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

* Ngành D220201 Ngôn ngữ Anh

Trang 10

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
244	LPH.D1 90253	Dương Thị Linh	24/01/95	Nữ	Sở Giáo dục và Đào tạo		2NT	21. . 05806	D22	7.25	8.00	4.00	19.25	19.50	
245	LPH.D1 90254	Vũ Thục Trinh	09/06/96	Nữ	Thị xã Chí Linh		2NT	21. . 05971	D22	5.75	6.25	7.00	19.00	19.00	
246	LPH.D1 90255	Đoàn Thị Huyền Trang	12/08/96	Nữ	Huyện Cẩm Giàng		2	21.13. 08410	D22	7.50	7.00	8.00	22.50	22.50	TT
247	LPH.D1 90256	Nguyễn Thanh An	20/10/96	Nữ	Huyện Nam Sách		2NT	21.20. 00007	D22	6.75	7.50	6.50	20.75	21.00	TT
248	LPH.D1 90257	Phạm Thị Ngọc Anh	07/12/96	Nữ	Huyện Nam Sách		2NT	21.20. 00003	D22	6.00	8.00	6.00	20.00	20.00	
249	LPH.D1 90258	Mạc Thị Hồng Dinh	06/11/96	Nữ	Huyện Nam Sách		2NT	21.20. 08397	D22	5.25	7.00	8.00	20.25	20.50	
250	LPH.D1 90259	Vương Thị Loan	12/02/96	Nữ	Huyện Nam Sách		2NT	21.20. 08394	D22	7.00	6.50	8.00	21.50	21.50	TT
251	LPH.D1 90260	Nguyễn Thị Hằng	26/02/96	Nữ	Huyện Thanh Hà		2NT	21.22. 08356	D22	6.00	6.50	7.00	19.50	19.50	
252	LPH.D1 90261	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	20/10/96	Nữ	Thị xã Chí Linh		2NT	21.22. 05960	D22	5.25	7.25	7.00	19.50	19.50	
253	LPH.D1 90262	Đỗ Thị Ngân	17/04/96	Nữ	Huyện Thanh Hà		2NT	21.22. 08364	D22	7.25	5.75	8.50	21.50	21.50	TT
254	LPH.D1 90263	Lê Thị Hưởng	06/07/96	Nữ	Huyện Thanh Hà		2NT	21.24. 08375	D22	7.50	4.25	8.00	19.75	20.00	
255	LPH.D1 90264	Trịnh Quốc Long	17/12/96		Huyện Kim Thành		2NT	21.25. 08307	D22	5.75	5.00	8.00	18.75	19.00	
256	LPH.D1 90265	Mạc Huyền Mai	15/11/96	Nữ	Huyện Kinh Môn		2NT	21.27. 00001	D22	6.00	7.00	7.00	20.00	20.00	
257	LPH.D1 90266	Nguyễn Thị Khánh Linh	20/09/96	Nữ	Huyện Kinh Môn		2NT	21.28. 00002	D22	5.75	6.75	8.00	20.50	20.50	
258	LPH.D1 90267	Đào Thị Hiền	10/11/96	Nữ	Huyện Ninh Giang		2NT	21.34. 08346	D22	6.50	5.25	8.50	20.25	20.50	
259	LPH.D1 90268	Nguyễn Thị Yến	23/07/96	Nữ	Huyện Thanh Miện		2NT	21.36. 08247	D22	6.75	5.75	8.00	20.50	20.50	
260	LPH.D1 90269	Chu Thị Hương Giang	24/07/96	Nữ	Huyện Ân Thi		2NT	22. . 06201	D22	6.00	6.00	7.75	19.75	20.00	
261	LPH.D1 90270	Nguyễn Thị Huyền	14/10/96	Nữ	Huyện Ân Thi		2NT	22. . 06194	D22	6.00	6.50	7.50	20.00	20.00	
262	LPH.D1 90271	Lý Diệu Linh	07/02/96	Nữ	Huyện Văn Giang		2NT	22. . 00164	D22	7.25	7.75	7.50	22.50	22.50	TT
263	LPH.D1 90272	Bùi Thị Phụng	15/11/96	Nữ	Huyện Kim Động		2NT	22. . 06174	D22	6.50	7.00	6.50	20.00	20.00	
264	LPH.D1 90273	Nguyễn Thu Thủy	31/07/96	Nữ	Huyện Yên Mỹ		2NT	22. . 06139	D22	6.50	7.50	6.25	20.25	20.50	
265	LPH.D1 90274	Nguyễn Văn Đức	14/08/96		Thành phố Hưng Yên		2	22.10. 00759	D22	7.75	4.50	7.75	20.00	20.00	
266	LPH.D1 90275	Vũ Thảo Anh	04/09/96	Nữ	Thành phố Hưng Yên		2	22.11. 00035	D22	6.50	9.00	5.50	21.00	21.00	
267	LPH.D1 90276	Đoàn Thị Ngọc Mai	08/11/96	Nữ	Huyện Kim Động		2NT	22.20. 06119	D22	6.50	8.00	5.25	19.75	20.00	
268	LPH.D1 90277	Nguyễn Thị Như Mai	08/06/96	Nữ	Huyện Kim Động		2NT	22.28. 06191	D22	6.00	7.75	6.00	19.75	20.00	
269	LPH.D1 90278	Trần Thị Ngọc Lan	23/05/96	Nữ	Thành phố Hưng Yên		2NT	22.39. 08608	D22	5.50	6.25	8.50	20.25	20.50	
270	LPH.D1 90279	Vũ Thị Thúy Lan	13/04/96	Nữ	Huyện Mỹ Hào		2NT	22.49. 08659	D22	6.75	7.25	7.50	21.50	21.50	TT

SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM (XÉT TUYỂN BỔ SUNG) 2014

TRƯỜNG LPH D1 TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

* Ngành D220201 Ngôn ngữ Anh

Trang 11

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
271	LPH.D1 90280	Vũ Thị Thùy	Linh	18/11/96	Nữ	Huyện Mỹ Hào		2NT	22.49. 08654	D22	6.00	5.75	7.50	19.25	19.50	
272	LPH.D1 90281	Phạm Thị Hồng	Lịch	18/11/96	Nữ	Huyện Văn Lâm		2NT	22.53. 08587	D22	7.25	7.50	7.00	21.75	22.00	TT
273	LPH.D1 90282	Trần Thị	Hương	11/08/96	Nữ	Huyện Văn Giang		2NT	22.57. 00275	D22	6.50	7.00	6.50	20.00	20.00	
274	LPH.D1 90283	Bùi Thị Thu	Trang	26/11/96	Nữ	Huyện Yên Mỹ		2NT	22.57. 06224	D22	6.50	7.50	5.50	19.50	19.50	
275	LPH.D1 90284	Chu Thị ánh	Hồng	22/03/95	Nữ	Huyện Văn Giang		2NT	22.59. 08559	D22	7.50	6.25	7.50	21.25	21.50	TT
276	LPH.D1 90285	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	25/02/96	Nữ	Huyện Văn Giang		2NT	22.60. 08589	D22	6.50	5.75	8.50	20.75	21.00	TT
277	LPH.D1 90286	Phan Thị	Phương	21/02/96	Nữ	Huyện Khoái Châu		2NT	22.79. 00315	D22	6.75	8.50	5.50	20.75	21.00	TT
278	LPH.D1 90287	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	10/01/96	Nữ	Thành phố Hoà Bình	01	1	23. . 00947	D22	6.25	4.50	7.00	17.75	18.00	
279	LPH.D1 90288	Nguyễn Thị	Thắm	10/12/96	Nữ	Huyện Kim Bôi		1	23. . 00777	D22	6.75	6.50	6.00	19.25	19.50	
280	LPH.D1 90289	Lê Thị Thuỳ	Trang	16/02/95	Nữ	Huyện Mai Châu	01	1	23. . 00736	D22	5.00	5.50	6.75	17.25	17.50	
281	LPH.D1 90290	Vũ Hải	Linh	12/10/96	Nữ	Thành phố Hoà Bình		1	23.12. 00036	D22	6.50	6.00	7.50	20.00	20.00	
282	LPH.D1 90291	Cao Thu	Huyền	21/06/96	Nữ	Huyện Lạc Sơn	01	1	23.16. 08755	D22	6.50	5.50	7.00	19.00	19.00	TT
283	LPH.D1 90292	Bùi Thị	Son	19/08/96	Nữ	Huyện Cao Phong	01	1	23.16. 08756	D22	6.25	6.25	5.50	18.00	18.00	
284	LPH.D1 90293	Trịnh Thị	Anh	27/05/96	Nữ			2NT	24. . 00642	D22	6.75	8.75	7.00	22.50	22.50	TT
285	LPH.D1 90294	Nghiêm Kim	Giang	25/11/96	Nữ			2NT	24. . 00138	D22	6.50	7.00	6.50	20.00	20.00	
286	LPH.D1 90295	Nguyễn Thị Thu	Hạnh	20/02/96	Nữ			2	24. . 00169	D22	7.25	8.25	8.00	23.50	23.50	TT
287	LPH.D1 90296	Nguyễn Thị	Hiền	27/04/95	Nữ			2NT	24. . 00036	D22	5.50	6.25	7.75	19.50	19.50	
288	LPH.D1 90297	Nguyễn Yến Thanh	Phương	17/05/96	Nữ	Quận Sơn Trà		2	24. . 00672	D22	6.25	8.50	8.00	22.75	23.00	TT
289	LPH.D1 90298	Nguyễn Thuý	Quỳnh	21/01/96	Nữ			2	24. . 00145	D22	7.25	8.25	7.50	23.00	23.00	TT
290	LPH.D1 90299	Trần Tố	Uyên	16/10/95	Nữ			2NT	24. . 00665	D22	6.75	8.25	6.00	21.00	21.00	TT
291	LPH.D1 90300	Đỗ Hồng	Vân	22/04/96	Nữ			2	24. . 06328	D22	6.75	7.75	5.25	19.75	20.00	
292	LPH.D1 90301	Phạm Thị Thanh	Huyền	18/01/96	Nữ			2	24.11. 09001	D22	6.00	7.25	8.50	21.75	22.00	TT
293	LPH.D1 90302	Lê Minh	Khuê	03/11/96	Nữ			2	24.11. 06326	D22	7.00	7.50	6.50	21.00	21.00	
294	LPH.D1 90303	Đỗ Hà	Linh	14/07/96	Nữ	Thành phố Phủ Lý		2	24.11. 02633	D22	7.00	5.50	7.50	20.00	20.00	
295	LPH.D1 90304	Nguyễn Thị	Giang	30/09/96	Nữ			2	24.12. 08958	D22	7.00	5.00	7.50	19.50	19.50	
296	LPH.D1 90305	Nguyễn Diệp Phương	Thảo	07/12/96	Nữ			2	24.12. 08946	D22	6.75	7.00	7.00	20.75	21.00	
297	LPH.D1 90306	Lê Thị	Ngọc	02/09/96	Nữ			2NT	24.21. 08919	D22	7.50	6.25	7.50	21.25	21.50	TT

SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM (XÉT TUYỂN BỔ SUNG) 2014

TRƯỜNG LPH D1 TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

* Ngành D220201 Ngôn ngữ Anh

Trang 12

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
298	LPH.D1 90307	Nguyễn Thị	Hương	16/07/96	Nữ			2NT	24.22. 08903	D22	6.25	6.25	7.50	20.00	20.00	
299	LPH.D1 90308	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	02/10/96	Nữ			1	24.32. 08885	D22	6.75	5.00	7.00	18.75	19.00	
300	LPH.D1 90309	Đặng Thu	Thủy	10/10/96	Nữ			2NT	24.45. 08833	D22	6.75	5.75	7.00	19.50	19.50	
301	LPH.D1 90310	Đào Thị Thu	Trang	16/10/96	Nữ			2NT	24.45. 08832	D22	7.25	7.50	7.00	21.75	22.00	TT
302	LPH.D1 90311	Trần Thị	Hoàng	07/09/96	Nữ			2NT	24.62. 01261	D22	6.50	7.25	5.50	19.25	19.50	
303	LPH.D1 90312	Phạm Ngọc	Diệp	13/09/96	Nữ	Huyện Vụ Bản		2NT	25. . 06863	D22	7.25	7.75	7.00	22.00	22.00	TT
304	LPH.D1 90313	Vũ Thị	Duyên	03/03/95	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	25. . 00570	D22	6.75	6.00	6.50	19.25	19.50	
305	LPH.D1 90314	Trần Thị Hồng	Giang	28/12/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25. . 00287	D22	6.75	8.25	7.00	22.00	22.00	TT
306	LPH.D1 90315	Nguyễn Thị	Hợp	23/02/95	Nữ	Huyện Xuân Trường		2NT	25. . 00729	D22	7.50	6.50	7.00	21.00	21.00	TT
307	LPH.D1 90316	Hoàng Thị Ngọc	Huyền	02/01/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25. . 00711	D22	7.00	5.75	7.00	19.75	20.00	
308	LPH.D1 90317	Nguyễn Minh	Thúy	08/05/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25. . 00706	D22	7.75	7.75	7.00	22.50	22.50	TT
309	LPH.D1 90318	Mạc Huyền	Trang	16/07/94	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25. . 00720	D22	6.25	6.50	7.50	20.25	20.50	
310	LPH.D1 90319	Ngô Thu	Trang	07/11/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25. . 00704	D22	7.50	7.25	6.50	21.25	21.50	TT
311	LPH.D1 90320	Vũ Thị Thủy	Trang	24/11/96	Nữ	Huyện Trực Ninh		2NT	25. . 00756	D22	9.00	8.75	6.50	24.25	24.50	TT
312	LPH.D1 90321	Lại Thị	Tuyết	18/02/96	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	25. . 06888	D22	6.25	7.25	7.00	20.50	20.50	
313	LPH.D1 90322	Trần Thị Phương	Thanh	08/04/96	Nữ	Huyện Mỹ Lộc		2	25.03. 09166	D22	7.00	6.25	8.00	21.25	21.50	TT
314	LPH.D1 90323	Đào Mai	Vân	05/08/96	Nữ	Sở Giáo dục và Đào tạo		2	25.04. 06689	D22	6.50	7.50	7.25	21.25	21.50	TT
315	LPH.D1 90324	Trần Thị Thu	Thủy	20/12/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.06. 05156	D22	6.75	7.00	7.00	20.75	21.00	
316	LPH.D1 90325	Lê Thị	Thắm	22/12/96	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	25.10. 01038	D22	6.25	6.25	7.00	19.50	19.50	
317	LPH.D1 90326	Đinh Thị Lan	Anh	30/04/96	Nữ	Huyện Mỹ Lộc		2NT	25.21. 06738	D22	6.75	6.00	6.50	19.25	19.50	
318	LPH.D1 90327	Nguyễn Thị	Hồng	27/05/96	Nữ	Huyện Giao Thủy		2NT	25.27. 09220	D22	7.25	6.00	7.50	20.75	21.00	TT
319	LPH.D1 90328	Lê Thị	Nhài	12/11/96	Nữ	Huyện Giao Thủy		2NT	25.27. 02439	D22	6.75	6.25	7.00	20.00	20.00	
320	LPH.D1 90329	Vũ Hồng Bảo	Tú	02/11/96	Nữ	Huyện Giao Thủy		2NT	25.28. 02443	D22	6.00	7.50	5.50	19.00	19.00	
321	LPH.D1 90330	Phạm Thị Ngọc	ánh	26/09/96	Nữ	Huyện Giao Thủy		2NT	25.28. 09228	D22	7.25	6.75	7.00	21.00	21.00	TT
322	LPH.D1 90331	Ninh Thị	Luyến	29/01/96	Nữ	Huyện Xuân Trường		2NT	25.34. 06792	D22	7.50	7.75	5.25	20.50	20.50	
323	LPH.D1 90332	Đinh Thị Vân	Anh	08/12/96	Nữ	Huyện ý Yên		2NT	25.35. 02924	D22	6.25	6.50	7.00	19.75	20.00	
324	LPH.D1 90333	Trịnh Thị Kiều	Trang	19/02/96	Nữ	Huyện ý Yên		2NT	25.35. 09250	D22	6.75	6.75	8.50	22.00	22.00	TT

SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM (XÉT TUYỂN BỔ SUNG) 2014

TRƯỜNG LPH D1 TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

* Ngành D220201 Ngôn ngữ Anh

Trang 13

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
325	LPH.D1 90334	Dương Thị My	20/04/96	Nữ	Huyện Xuân Trường		2NT	25.38. 06811	D22	6.75	7.25	6.75	20.75	21.00	TT
326	LPH.D1 90335	Bùi Thị Thơ	08/10/96	Nữ	Huyện Vụ Bản		2NT	25.43. 09274	D22	6.00	7.25	8.00	21.25	21.50	TT
327	LPH.D1 90336	Nguyễn Thị Hà	15/11/96	Nữ	Huyện Ý Yên		2NT	25.44. 00906	D22	7.50	5.25	6.50	19.25	19.50	
328	LPH.D1 90337	Bùi Thị Thuý	30/05/96	Nữ	Huyện Vụ Bản		2NT	25.46. 01376	D22	6.75	7.00	5.50	19.25	19.50	
329	LPH.D1 90338	Đoàn Thị Lan	15/11/96	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	25.50. 19329	D22	5.75	6.50	7.00	19.25	19.50	
330	LPH.D1 90339	Nguyễn Thị Trà	27/02/96	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	25.50. 19333	D22	6.75	6.25	7.50	20.50	20.50	
331	LPH.D1 90340	Trần Thị Thu	12/01/96	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	25.50. 19331	D22	6.25	7.75	7.00	21.00	21.00	TT
332	LPH.D1 90341	Vũ Thị Thuý	25/02/96	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	25.50. 01974	D22	6.50	8.25	5.00	19.75	20.00	
333	LPH.D1 90342	Bùi Thị Huế	25/05/96	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	25.55. 00924	D22	6.75	5.25	7.50	19.50	19.50	
334	LPH.D1 90343	Trần Thị Mai	13/10/96	Nữ	Huyện Trực Ninh		2NT	25.60. 03079	D22	6.25	5.00	8.00	19.25	19.50	
335	LPH.D1 90344	Nguyễn Thị Thanh	22/05/96	Nữ	Huyện Vụ Bản		2NT	25.67. 06604	D22	6.50	7.00	6.00	19.50	19.50	
336	LPH.D1 90345	Vũ Thị Thu	28/11/96	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	25.75. 02781	D22	8.25	6.00	6.50	20.75	21.00	TT
337	LPH.D1 90346	Lương Thị Nga	19/02/96	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	25.75. 19380	D22	6.25	6.75	7.50	20.50	20.50	
338	LPH.D1 90347	Nguyễn Thị Thu	31/10/96	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	25.75. 02776	D22	6.75	6.00	7.50	20.25	20.50	
339	LPH.D1 90348	Vũ Thị Thuý	25/08/96	Nữ			2NT	26. . 00239	D22	6.50	6.75	7.50	20.75	21.00	TT
340	LPH.D1 90349	Đào Thị Hoa	03/04/96	Nữ			2NT	26. . 00236	D22	6.75	7.50	6.00	20.25	20.50	
341	LPH.D1 90350	Trần Nguyễn Nhật Minh	29/10/96	Nữ			2	26. . 07084	D22	7.75	7.75	6.00	21.50	21.50	TT
342	LPH.D1 90351	Đặng Thị Hồng Thu	03/02/96	Nữ			3	26. . 00223	D22	6.50	7.75	8.00	22.25	22.50	TT
343	LPH.D1 90352	Bùi Thị Thu Hà	02/09/95	Nữ	Thành phố Thái Bình		2	26.00. 00006	D22	6.75	7.50	6.50	20.75	21.00	
344	LPH.D1 90353	Vũ Thị Nhung	12/08/95	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.00. 09519	D22	6.75	6.50	6.50	19.75	20.00	
345	LPH.D1 90354	Đào Thị Kim Huệ	22/10/96	Nữ	Huyện Hưng Hà		2	26.01. 00188	D22	7.00	7.50	7.00	21.50	21.50	TT
346	LPH.D1 90355	Phạm Thu Trang	07/07/96	Nữ	Thành phố Thái Bình		2	26.02. 00145	D22	6.25	7.25	7.50	21.00	21.00	
347	LPH.D1 90356	Trần Thị Phụng	06/01/96	Nữ	Thành phố Thái Bình	06	2	26.03. 00136	D22	6.25	7.25	5.50	19.00	19.00	
348	LPH.D1 90357	Nguyễn Thị Ngọc Hà	09/07/96	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.09. 09322	D22	6.25	7.25	7.00	20.50	20.50	
349	LPH.D1 90358	Đoàn Thị Loan	13/02/96	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.09. 09314	D22	6.25	8.25	5.50	20.00	20.00	
350	LPH.D1 90359	Nguyễn Thị Ngọc	07/09/96	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.09. 09320	D22	6.50	8.00	6.50	21.00	21.00	TT
351	LPH.D1 90360	Nguyễn Thị Thanh Huyền	06/11/96	Nữ			2NT	26.25. 07156	D22	6.75	7.50	7.25	21.50	21.50	TT

SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM (XÉT TUYỂN BỔ SUNG) 2014

TRƯỜNG LPH D1 TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

* Ngành D220201 Ngôn ngữ Anh

Trang 14

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
352	LPH.D1 90361	Nguyễn Tiến Long	29/04/96		Huyện Đông Hưng		2NT	26.25. 09428	D22	6.50	8.00	7.00	21.50	21.50	TT
353	LPH.D1 90362	Đỗ Thuỳ Linh	28/01/96	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.52. 09461	D22	6.50	6.25	7.50	20.25	20.50	
354	LPH.D1 90363	Vũ Hồng Thắm	25/11/96	Nữ			2NT	26.52. 00046	D22	7.50	6.50	7.00	21.00	21.00	TT
355	LPH.D1 90364	Phạm Thị Hoài	20/02/96	Nữ	Huyện Yên Mô		1	27. . 07573	D22	6.75	7.25	4.75	18.75	19.00	
356	LPH.D1 90365	Đinh Thị Mỹ Linh	25/02/96	Nữ	Huyện Yên Khánh		2NT	27. . 07481	D22	6.75	7.50	6.00	20.25	20.50	
357	LPH.D1 90366	Vũ Thị Hải Yến	23/08/96	Nữ	Huyện Nho Quan		2	27. . 00167	D22	6.25	6.25	7.50	20.00	20.00	
358	LPH.D1 90367	Phạm Thị Hải Yến	10/08/96	Nữ	Huyện Gia Viễn		1	27.04. 00785	D22	6.25	7.50	7.00	20.75	21.00	TT
359	LPH.D1 90368	Trần Thị Minh Ngọc	06/10/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.11. 07548	D22	6.75	7.00	6.50	20.25	20.50	
360	LPH.D1 90369	Đặng Thị Dung	10/11/96	Nữ	Huyện Hoa Lư		2	27.13. 00348	D22	6.75	4.50	8.00	19.25	19.50	
361	LPH.D1 90370	Hà Thị Trọng	10/10/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.13. 02740	D22	6.25	7.00	7.00	20.25	20.50	
362	LPH.D1 90371	Phạm Thị Lanh	14/07/96	Nữ	Huyện Nho Quan		1	27.32. 09753	D22	6.00	8.00	6.50	20.50	20.50	TT
363	LPH.D1 90372	Bùi Thị Hoài Linh	18/05/96	Nữ	Huyện Yên Mô		1	27.62. 00374	D22	7.00	4.75	6.50	18.25	18.50	
364	LPH.D1 90373	Phạm Trà My	25/11/96	Nữ	Huyện Kim Sơn		2NT	27.72. 00027	D22	6.50	5.50	8.00	20.00	20.00	
365	LPH.D1 90374	Phạm Thị Bảo Ngọc	08/10/96	Nữ	Huyện Kim Sơn		2NT	27.72. 00123	D22	6.00	7.25	7.00	20.25	20.50	
366	LPH.D1 90375	Nguyễn Thị Hà	29/12/96	Nữ	Huyện Yên Khánh		2NT	27.81. 00383	D22	6.25	6.50	7.00	19.75	20.00	
367	LPH.D1 90376	Tạ Thị Vân Anh	17/01/96	Nữ	Huyện Như Xuân		1	28. . 07794	D22	6.25	6.25	6.50	19.00	19.00	
368	LPH.D1 90377	Trịnh Thị Bình	27/03/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28. . 02340	D22	6.75	7.25	8.00	22.00	22.00	TT
369	LPH.D1 90378	Lê Thị Ngọc Hồng	05/10/96	Nữ	Huyện Thường Xuân		1	28. . 02250	D22	5.75	6.50	7.00	19.25	19.50	
370	LPH.D1 90379	Lê Thị Ngọc Hồng	10/11/96	Nữ	Huyện Thiệu Hoá		2NT	28. . 00955	D22	6.75	5.50	7.50	19.75	20.00	
371	LPH.D1 90380	Nguyễn Thị Thu Hồng	23/09/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28. . 02336	D22	6.75	8.00	8.00	22.75	23.00	TT
372	LPH.D1 90381	Quách Thuỳ Linh	27/07/95	Nữ	Huyện Thạch Thành	01	1	28. . 00987	D22	5.75	6.50	7.00	19.25	19.50	TT
373	LPH.D1 90382	Lê Thị Nga	08/06/96	Nữ	Huyện Hà Trung		2NT	28. . 02321	D22	6.25	6.50	6.50	19.25	19.50	
374	LPH.D1 90383	Lê Phương Thảo	20/12/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28. . 00995	D22	6.75	7.50	7.50	21.75	22.00	TT
375	LPH.D1 90384	Nguyễn Thị Thuỷ	01/02/95	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28. . 02239	D22	6.25	7.75	7.50	21.50	21.50	TT
376	LPH.D1 90385	Nguyễn Tường Vân	08/07/95	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	28. . 02243	D22	6.75	8.75	6.50	22.00	22.00	TT
377	LPH.D1 90386	Trịnh Thị Vân	15/08/96	Nữ	Huyện Mường Lát		1	28. . 07769	D22	7.25	8.00	5.00	20.25	20.50	TT
378	LPH.D1 90387	Lê Thị Thanh Xuân	05/09/96	Nữ	Sở Giáo dục và Đào tạo		2	28. . 07692	D22	6.25	7.50	6.75	20.50	20.50	

SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM (XÉT TUYỂN BỔ SUNG) 2014

TRƯỜNG LPH D1 TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

* Ngành D220201 Ngôn ngữ Anh

Trang 15

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
379	LPH.D1 90388	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	15/11/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.29. 00144	D22	5.75	7.75	7.00	20.50	20.50	
380	LPH.D1 90389	Nguyễn Thị Huyền	Trang	29/07/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.29. 00150	D22	6.00	7.00	6.50	19.50	19.50	
381	LPH.D1 90390	Trịnh Thị Ngọc	Trâm	12/01/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.30. 00054	D22	7.75	8.25	6.50	22.50	22.50	TT
382	LPH.D1 90391	Nguyễn Thị Hải	Yến	19/01/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.30. 09951	D22	6.75	5.50	8.00	20.25	20.50	
383	LPH.D1 90392	Nguyễn Thị Tuyết	Trình	23/10/96	Nữ	Thị xã Bim Sơn		2	28.34. 09974	D22	7.00	7.25	7.00	21.25	21.50	TT
384	LPH.D1 90393	Lê Thị Cẩm	Vân	27/08/95	Nữ	Huyện Lang Chánh	04	1	28.41. 02377	D22	4.75	4.75	7.00	16.50	16.50	
385	LPH.D1 90394	Lê Diệu	Linh	12/07/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2NT	28.68. 00322	D22	6.75	6.50	7.50	20.75	21.00	TT
386	LPH.D1 90395	Lê Thị	Thư	25/10/96	Nữ	Huyện Hoàng Hoá		2NT	28.74. 01162	D22	6.75	6.75	5.50	19.00	19.00	
387	LPH.D1 90396	Mai Thị	Hằng	27/05/96	Nữ	Huyện Nga Sơn		2NT	28.79. 01169	D22	6.50	6.00	7.50	20.00	20.00	
388	LPH.D1 90397	Đỗ Thị	Lan	22/12/96	Nữ	Huyện Như Thanh		2NT	28.91. 07825	D22	5.25	7.50	6.75	19.50	19.50	
389	LPH.D1 90398	Hoàng Thị	Hoài	02/09/96	Nữ	Huyện Quỳnh Lưu		1	29. . 07946	D22	6.00	7.50	6.25	19.75	20.00	
390	LPH.D1 90399	Nguyễn Thị	Huyền	15/03/94	Nữ	Huyện Quỳnh Hợp		1	29. . 00652	D22	7.50	6.00	6.50	20.00	20.00	
391	LPH.D1 90400	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	30/12/96	Nữ	Huyện Diễn Châu		2NT	29. . 00672	D22	7.00	6.25	7.50	20.75	21.00	TT
392	LPH.D1 90401	Mai Thị	ánh	19/06/96	Nữ	Thành phố Vinh		2	29. . 01468	D22	7.00	5.50	8.00	20.50	20.50	
393	LPH.D1 90402	Đậu Thị	Trang	19/01/96	Nữ	Huyện Quỳnh Lưu		2NT	29.29. 00383	D22	7.00	6.00	8.00	21.00	21.00	TT
394	LPH.D1 90403	Lê Thị	Mơ	10/10/96	Nữ	Huyện Diễn Châu		2NT	29.57. 00153	D22	6.25	6.25	8.00	20.50	20.50	
395	LPH.D1 90404	Lê Thị Lan	Anh	03/09/99	Nữ	Huyện Kỳ Anh		2	30. . 08166	D22	5.75	8.00	7.25	21.00	21.00	
396	LPH.D1 90405	Nguyễn Thị	Bình	01/10/95	Nữ	Huyện Thạch Hà		2	30. . 01484	D22	7.00	9.25	6.50	22.75	23.00	TT
397	LPH.D1 90406	Lê Mai	Dung	21/11/96	Nữ	Thành phố Hà Tĩnh		2	30. . 01451	D22	6.50	8.00	8.00	22.50	22.50	TT
398	LPH.D1 90407	Phan Thanh	Hằng	10/02/96	Nữ	Huyện Hương Sơn		1	30. . 00421	D22	7.00	6.75	7.00	20.75	21.00	TT
399	LPH.D1 90408	Phan Thị Cẩm	Nhung	25/07/95	Nữ	Thành phố Hà Tĩnh		2	30. . 01447	D22	7.00	7.75	6.50	21.25	21.50	TT
400	LPH.D1 90409	Nguyễn Thị Thục	Quyên	29/03/96	Nữ	Thành phố Hà Tĩnh		2	30. . 01439	D22	6.25	8.75	7.50	22.50	22.50	TT
401	LPH.D1 90410	Nguyễn Thạch	Thảo	20/08/96	Nữ	Thành phố Hà Tĩnh		2	30. . 00413	D22	6.75	6.75	7.00	20.50	20.50	
402	LPH.D1 90411	Lê Thu Phương	Trà	07/01/96	Nữ	Huyện Thạch Hà		2	30. . 01436	D22	6.25	5.50	8.00	19.75	20.00	
403	LPH.D1 90412	Nguyễn Hoài	Linh	15/08/96	Nữ	Huyện Kỳ Anh		1	30.02. 00060	D22	6.00	6.75	7.50	20.25	20.50	TT
404	LPH.D1 90413	Nguyễn Thùy	Mỹ	03/10/96	Nữ	Huyện Lộc Hà		2NT	30.19. 00467	D22	6.75	5.50	7.50	19.75	20.00	
405	LPH.D1 90414	Nguyễn Thị	Thành	02/03/96	Nữ	Huyện Hương Sơn		1	30.26. 00057	D22	5.25	6.50	8.00	19.75	20.00	

SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM (XÉT TUYỂN BỔ SUNG) 2014

TRƯỜNG LPH D1 TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

* Ngành D220201 Ngôn ngữ Anh

Trang 16

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
406	LPH.D1 90415	Nguyễn Thị Việt	An	06/12/96	Nữ	Thị xã Hồng Lĩnh		2	30.36. 00388	D22	7.00	6.00	7.50	20.50	20.50	
407	LPH.D1 90416	Ngô Thị Thu	Trà	20/09/96	Nữ	Huyện Nghi Xuân		2NT	30.38. 00208	D22	6.75	7.00	7.50	21.25	21.50	TT
408	LPH.D1 90417	Phạm Nguyễn Việt	Anh	01/02/96	Nữ	Thành phố Đồng Hới		2	31. . 00242	D22	6.25	8.75	8.50	23.50	23.50	TT
409	LPH.D1 90418	Từ Thị Tuyết	Trình	14/01/96	Nữ	Huyện Quảng Ninh		2	31.04. 00478	D22	7.75	5.25	7.50	20.50	20.50	
410	LPH.D1 90419	Nguyễn Thị	Nhã	01/06/95	Nữ	Huyện Ea Kar		1	40.15. 00312	D22	6.25	7.25	7.00	20.50	20.50	TT
411	LPH.D1 90420	Chu Anh Hoàng	Tú	09/10/96		Thành phố Nha Trang		2	41.16. 00483	D22	6.00	8.00	5.50	19.50	19.50	
412	LPH.D1 90421	Phạm Thị Lan	Anh	21/10/95	Nữ	Thị xã Sông Công		2	99.99. 00112	D22	7.50	7.50	7.00	22.00	22.00	TT
413	LPH.D1 90422	Bùi Nguyên	Biểu	08/07/95		Quận Cầu Giấy		3	99.99. 00031	D22	5.00	8.00	6.75	19.75	20.00	
414	LPH.D1 90423	Phạm Thái Bình	Dương	21/10/95		Quận Hoàn Kiếm		3	99.99. 00852	D22	6.50	7.25	7.25	21.00	21.00	
415	LPH.D1 90424	Vũ Thị	Hiên	27/01/95	Nữ	Huyện Hải Hậu		2	99.99. 01669	D22	6.25	6.00	7.50	19.75	20.00	
416	LPH.D1 90425	Chu Thị	Hồng	25/11/95	Nữ	Huyện Hoa Lư		2	99.99. 00718	D22	5.50	6.75	7.50	19.75	20.00	
417	LPH.D1 90426	Bế Quang	Huy	01/12/96		Thành phố Lạng Sơn		1	99.99. 03818	D22	5.00	8.00	7.50	20.50	20.50	TT
418	LPH.D1 90427	Hoàng Hương	Ly	19/12/96	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	99.99. 00817	D22	5.00	8.50	7.50	21.00	21.00	
419	LPH.D1 90428	Phạm Lê Hoàng	Nam	06/09/96		Quận Hoàn Kiếm		3	99.99. 03807	D22	7.00	7.00	7.25	21.25	21.50	
420	LPH.D1 90429	Nguyễn Bạch	Ngọc	06/02/95	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	99.99. 00057	D22	7.25	6.50	6.50	20.25	20.50	
421	LPH.D1 90430	Nguyễn Bích	Ngọc	08/08/96	Nữ	Quận Long Biên		2	99.99. 00913	D22	5.50	9.50	8.50	23.50	23.50	TT
422	LPH.D1 90431	Lưu Thị	Thanh	13/09/95	Nữ	Huyện Thanh Oai		2	99.99. 00130	D22	7.50	7.25	7.50	22.25	22.50	TT
423	LPH.D1 90432	Nguyễn Xuân Phương	Thảo	20/05/95	Nữ	Huyện Hoài Đức		2	99.99. 00612	D22	6.25	8.25	7.00	21.50	21.50	TT
424	LPH.D1 90433	Nguyễn Hoài	Thu	23/04/95	Nữ	Huyện Từ Liêm		2	99.99. 00436	D22	5.25	6.50	8.00	19.75	20.00	
425	LPH.D1 90434	Vũ Thị	Thúy	03/12/95	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	99.99. 01055	D22	5.25	6.75	8.00	20.00	20.00	
426	LPH.D1 90435	Nguyễn Thị Thanh	Trang	11/11/95	Nữ			2	99.99. 00028	D22	5.50	6.00	8.00	19.50	19.50	
427	LPH.D1 90436	Trương Thu	Trang	13/06/95	Nữ	Quận Tây Hồ		3	99.99. 00121	D22	7.00	6.00	8.00	21.00	21.00	
428	LPH.D1 90437	Phạm Quế Hà	Vi	21/08/96	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	99.99. 00236	D22	7.25	8.75	6.00	22.00	22.00	TT
429	LPH.D1 90438	Phạm Thị Thanh	Xuân	08/07/96	Nữ	Huyện Đông Triều		1	99.99. 00188	D22	7.50	4.75	8.25	20.50	20.50	TT
430	LPH.D1 90439	Mạc Thị Hoài	Anh	22/11/95	Nữ	Quận Hải An		3	99.CH. 00198	D22	6.00	7.50	6.50	20.00	20.00	
431	LPH.D1 90440	Bùi Lê	Hồng	18/11/95	Nữ	Quận Đống Đa		3	99.na. 00050	D22	6.00	9.25	6.00	21.25	21.50	

